

Số: 15 /2019/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị
trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 61/TTr-STC ngày 24/01/2019 và văn bản số 949/STC-QLGCS ngày 23/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai:

1. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị đối với các hộ gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số là: 4.270 đồng/m³

2. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị các hộ gia đình khác là:

- | | |
|---|---------------------------|
| a) Mức từ 1-10 m ³ đầu tiên (hộ/tháng): | 5.693 đồng/m ³ |
| b) Mức từ trên 10-20 m ³ tiếp theo (hộ/tháng): | 7.117 đồng/m ³ |
| c) Mức từ trên 20-30 m ³ tiếp theo (hộ/tháng): | 7.473 đồng/m ³ |
| d) Mức trên 30 m ³ (hộ/tháng): | 7.828 đồng/m ³ |

3. Giá nước sạch sinh hoạt đô thị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này chưa có thuế giá trị gia tăng và các loại phí

4. Đối tượng áp dụng:

- Hộ gia đình sử dụng nước sạch sinh hoạt đô thị của đơn vị cấp nước.
- Đơn vị cấp nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê và huyện Đak Pơ tại quyết định này và quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân thị xã An Khê và Ủy ban nhân dân huyện Đak Pơ phối hợp kiểm tra việc thực hiện quy định về giá nước sạch sinh hoạt đô thị trên địa bàn thị xã An Khê, huyện Đak Pơ đúng theo quy định tại quyết định này và quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã An Khê, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đak Pơ, Giám đốc Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê và thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các bộ: Tài chính, XD, NN&PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL-Bộ TP;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CNXD, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng